

Số: 816 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 19 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nhà ở và dịch vụ công nhân phục vụ khu công nghiệp Gián Khẩu và địa bàn lân cận.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1024/TTr-KHĐT ngày 09/5/2017 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 469/SXD-QLXD ngày 24/4/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nhà ở và dịch vụ công nhân phục vụ khu công nghiệp Gián Khẩu và địa bàn lân cận, với những nội dung chính như sau:**

**1. Tên dự án:** Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nhà ở và dịch vụ công nhân phục vụ khu công nghiệp Gián Khẩu và địa bàn lân cận.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

**3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư:** Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng và phát triển HT - Công ty TNHH Việt Hà.

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** Kỹ sư Phạm Tiến Dũng.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu nhà ở và dịch vụ công nhân để tạo lập quỹ đất bố trí chỗ ở thuận lợi, ổn định cho công nhân làm việc tại Khu công nghiệp Gián Khẩu và địa bàn lân cận.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

**6.1. San nền**

- Cao độ san nền thấp nhất là (+3,0)m; cao độ san nền cao nhất là (+3,15)m.

- Hướng dốc và độ dốc san nền: Dốc từ trung tâm các lô đất về phía các trục đường. Độ dốc san nền (0,4÷0,6)%. Thiết kế san nền đảm bảo nước mặt toàn bộ của khu được thu gom vào hệ thống thoát nước chung rồi thoát một phần vào hồ điều hòa, một phần thoát về phía mương giáp đường ĐT.477.

- Tổng diện tích san lấp 139.991 m<sup>2</sup>; chiều cao san lấp trung bình 1,8m; vật liệu san nền bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,90$ .

### 6.2. Hệ thống đường giao thông nội bộ

a) *Hướng tuyến*: Theo Quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 23/12/2016, cụ thể như sau:

- Tuyến chính C1: Tiếp đầu giao với ranh giới dự án phía gần đường ĐT477, tiếp cuối tại nút giao với tuyến NB3 và NB4;

- Tuyến chính C2: Tiếp đầu giao với đường quy hoạch ngoài dự án, tiếp cuối tại nút giao với tuyến DN;

- Tuyến chính C3: Tiếp đầu giao với đường quy hoạch ngoài dự án (phía Tây), tiếp cuối giao với đường quy hoạch ngoài dự án (phía Đông);

- Tuyến đối ngoại DN: Tiếp đầu giao với đường quy hoạch ngoài dự án (phía Tây), tiếp cuối giao với đường quy hoạch ngoài dự án (phía Đông);

- Tuyến NB1: Tiếp đầu giao với tuyến C2, tiếp cuối giao với tuyến NB2;

- Tuyến NB2: Tiếp đầu giao với tuyến C1, tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB3: Tiếp đầu giao với tuyến NB2, tiếp cuối giao với tuyến C1;

- Tuyến NB4: Tiếp đầu giao với tuyến NB3, tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB5: Tiếp đầu giao với tuyến NB7, tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB6: Tiếp đầu giao với tuyến NB7, tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB7: Tiếp đầu giao với tuyến NB3, tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB8: Tiếp đầu giao với tuyến C3, tiếp cuối giao với tuyến NB2;

- Tuyến NB9: Tiếp đầu giao với tuyến NB12, tiếp cuối giao với tuyến C3;

- Tuyến NB10: Tiếp đầu giao với tuyến NB12, tiếp cuối giao với tuyến NB2;

- Tuyến NB11: Tiếp đầu giao với đường quy hoạch ngoài dự án (phía Tây), tiếp cuối giao với tuyến C2;

- Tuyến NB12: Tiếp đầu và tiếp cuối giao với tuyến C2.

### b) *Thiết kế trắc ngang*

- Tuyến C1:  $B_n = 6 + 10,5 + 6 = 22,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 139,50m.

- Tuyến C2: Đoạn 1 từ nút N1÷N6:  $B_n = 6 + 10,5 + 6 = 22,5\text{m}$ ; chiều dài 557,79m. Đoạn 2 từ nút N6÷N14:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; chiều dài 717,55m. Tổng chiều dài toàn tuyến 1.274,74m.

- Tuyến C3:  $B_n = 6 + 10,5 + 6 = 22,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 282,94m.

- Tuyến DN:  $B_n = 3 + 7,5 + 3 = 13,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 279,14m.

- Tuyến NB1:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 84,0m.

- Tuyến NB2: Đoạn 1 từ nút N16÷D2 và từ nút N9÷N24:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; chiều dài 370,86m. Đoạn 2 từ nút N17A÷N24:  $B_n = 7,5 + 4 = 11,5\text{m}$ ; chiều dài 215,63m. Tổng chiều dài toàn tuyến 586,49m.

- Tuyến NB3:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 201,77m.

- Tuyến NB4:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 169,37m.

- Tuyến NB5:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 260,47m.
- Tuyến NB6:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 260,72m.
- Tuyến NB7:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 281,21m.
- Tuyến NB8:  $B_n = 7,5 + 4 = 11,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 98,89m.
- Tuyến NB9:  $B_n = 7,5 + 4 = 11,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 90,63m.
- Tuyến NB10:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 188,25m.
- Tuyến NB11:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; tổng chiều dài 190,98m.
- Tuyến NB12: Đoạn 1 từ nút N31÷N11:  $B_n = 4 + 7,5 + 4 = 15,5\text{m}$ ; chiều dài 91,02m. Đoạn 2 từ nút N13÷N31:  $B_n = 7,5 + 4 = 11,5\text{m}$ ; chiều dài 339,43m. Tổng chiều dài toàn tuyến 430,45m.
- Cao độ tại các nút (+3,0)m.

#### c) Nền đường

- Xử lý nền đất yếu: Đào đất không thích hợp trong phạm vi nền đường dày trung bình 1,0m; lót lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách cường độ chịu kéo 12kN/m; đắp bù phần đào đất không thích hợp bằng cát hạt nhỏ dày 0,5m đầm chặt  $K \geq 0,90$ , còn lại đắp đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

- Đắp nền đường bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,95$ , lớp tiếp giáp kết cấu áo đường đắp bằng đất đồi đầm chặt  $K \geq 0,98$  chiều dày 50cm đối với các tuyến C1, C2, C3, DN và dày 30cm đối với các tuyến còn lại.

#### d) Mặt đường

- Đối với các tuyến C1; C2; C3; DN: Lớp bê tông nhựa chặt 9,5 mặt trên dày 5cm; tưới nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup>; lớp bê tông nhựa chặt 19 mặt dưới dày 6cm; tưới nhựa thấm bám 1,0 kg/m<sup>2</sup>; lớp móng cấp phối đá dăm loại I chiều dày 18cm sau lu lèn; lớp móng cấp phối đá dăm loại II chiều dày 30cm, sau lu lèn.

- Đối với các tuyến còn lại: Lớp bê tông nhựa chặt 9,5 mặt trên dày 4cm; tưới nhựa dính bám 0,5 kg/m<sup>2</sup>; lớp bê tông nhựa chặt 19 mặt dưới dày 6cm; tưới nhựa thấm bám 1,0 kg/m<sup>2</sup>; lớp móng cấp phối đá dăm loại I chiều dày 15cm, sau lu lèn; lớp móng cấp phối đá dăm loại II chiều dày 17cm, sau lu lèn.

- Độ dốc ngang mặt đường  $i_m = 2\%$ ; độ dốc ngang hè đường:  $i_{h\bar{e}} = 1,5\%$ ; độ dốc mái ta-luy đào là 1/1,0, mái ta-luy đắp là 1/1,5.

- Kết cấu bo vỉa, đan rãnh: Bo vỉa bằng BTXM mác 250 kích thước (26x23x100)cm và (26x23x50)cm trên lớp móng BTXM mác 150 dày 10cm; đan rãnh bằng BTXM mác 250, rộng 25cm, dày 5cm trên lớp móng BTXM mác 150; bó gáy xây gạch không nung VXM mác 75 trên lớp bê tông lót mác 100 dày 5cm.

- Vỉa hè: Lát gạch Terrazzo trên lớp VXM mác 75 dày 2cm và bê tông lót đá 1x2 mác 100 dày 10cm. Bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

- Viên bồn trồng cây xanh xây gạch không nung VXM mác 75 dày 22cm trên lớp bê tông lót mác 150 dày 10cm.

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.



### 6.3. Hệ thống cấp nước

- Xây dựng hệ thống cấp nước với tổng chiều dài tuyến chính và tuyến nhánh là 6.391m.

- Nguồn nước: Đầu nối với đường ống D300 từ ngã ba Gián Khẩu, lấy nước từ nhà máy nước Thiên Tôn hiện đang cấp nước cho Khu công nghiệp Gián Khẩu.

- Thiết kế cấp nước dạng mạch nhánh kết hợp mạng vòng nội tuyến. Tuyến cấp nước chính dùng ống nhựa HDPE D200 dài 188m, D180 dài 1.344m, D140 dài 1.194m, D110 dài 280m. Tuyến ống phân phối sử dụng ống HDPE D75 dài 635m, D63 dài 635m, D50 dài 2.115m. Các đoạn ống qua đường được lồng ống thép đen, gồm D250 dài 240m và ống D150 dài 24m. Đường ống đặt trong phạm vi vỉa hè, độ sâu chôn ống 0,8m đối với ống cấp nước chính và 0,5m đối với ống phân phối.

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho khu dân cư sử dụng hệ thống cứu hỏa áp lực thấp, đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 2622-1995. Các trụ cứu hỏa bố trí dọc trên các tuyến đường, cách nhau từ (120÷150)m.

6.4. Thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng hoàn toàn, thoát nước theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc thoát vào hệ thống công thoát nước quy hoạch rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực dọc đường ĐT.477.

#### a) Hệ thống thoát nước mưa

Tổng chiều dài 5.129m, bao gồm các tuyến cống tròn BTCT bố trí dọc theo các tuyến đường, đường kính từ D400 đến D1500, trong đó: D400 dài 251m, D600 dài 3.282m, D800 dài 661m, D1000 dài 465m, D1250 dài 402m, D1500 dài 68m. Độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7m tính từ đỉnh cống đến mặt đường hoàn thiện. Riêng cống thu nổi hồ ga thăm, ga thu dùng cống BTCT D300 dài 610m. Các ga thăm khoảng cách trung bình (30÷40)m/hố. Nước mưa mặt đường sẽ được thu gom nhờ các hố thu nước mặt đường đập nắp đan gang đặt sát mép đường.

- Kết cấu cống thoát nước: Đế cống BTCT mác 200 dày (16÷41)cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thân cống bằng BTCT đúc sẵn mác 250; mỗi nối sử dụng VXM mác 100. Riêng 5 cống ngang qua đường nền móng cống gia cố cọc tre dài 2,5m, mật độ 25cọc/m<sup>2</sup>.

- Hồ ga:

+ Trong phạm vi mặt đường: Sử dụng hố ga BTCT mác 250 dày 15cm, bê tông lót móng đá 4x6 mác 100 dày 10cm. Nắp hố ga kích thước (90x90)cm và (75x75)cm. Các hố thu nước trực tiếp bằng BTCT mác 250 trên đập cửa thu nước bằng gang kích thước (96x53)cm.

+ Trong phạm vi vỉa hè: Tường ga xây gạch không nung VXM mác 75 dày 33cm, tường trong trát VXM mác 75 dày 2cm; đáy ga bê tông mác 150 dày 20cm trên lớp bê tông lót mác 100 đá 4x6 mác 100 dày 10cm. Mũ mở BTCT mác 200, tấm đan BTCT mác 200 dày 12cm.

b) Hệ thống thoát nước thải: Tổng chiều dài 5.284m. Được thiết kế thoát nước dùng bơm chuyên bậc. Độ dốc thoát nước  $i = 0,33\%$ , các tuyến ống nước thải dùng ống nhựa HDPE D315 PN10. Hố ga thu nước có kích thước thông thủy

(80x80)cm; kết cấu ga: Đáy ga BTCT mác 200 dày 15cm, tường ga BTCT mác 200 dày 15cm, nắp ga BTCT mác 200 dày 10cm.

### 6.5. Cấp điện

- Nguồn trung thế cấp điện cho dự án được lấy từ điểm đầu nối trên đường ĐT.477, chuyển đổi cấp điện áp 35kV xuống cấp điện áp 22kV.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 10 trạm biến áp phục vụ cấp điện cho khu vực. Các máy biến áp có công suất 320kVA đến 2000kVA, 22kV/0,4kV, 3P, 50Hz, loại biến áp dầu kiểu kios.

- Xây dựng tuyến cáp ngầm trung thế 22kV sử dụng loại cáp 22kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC/W-3x120mm<sup>2</sup> đi dọc trong đất trên vỉa hè đường khu quy hoạch. Tổng chiều dài tuyến cáp ngầm 22kV xây dựng mới là 1.770m.

- Xây dựng hệ thống cáp ngầm 0,4kV sử dụng loại cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện từ 50mm<sup>2</sup> đến 240mm<sup>2</sup>, tổng chiều dài 3.665m được chôn ngầm trực tiếp dưới đất, các đoạn vượt qua đường giao thông được luồn trong ống nhựa siêu bền Ø195/150mm.

### 6.6. Điện chiếu sáng

- Thiết bị: Đèn chiếu sáng đường phố kiểu bán rộng SON-150W, cấp bảo vệ tối thiểu bằng IP66, cấp cách điện CLASS II, cấp chịu va đập 2J, công suất 150W. Cột đèn sử dụng cột cân đơn bát giác côn cân rời bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao H=8m, tổng số 140 cột, cột cân rời, dày 3,5mm.

- Lắp đặt 02 tủ điện chiếu sáng tự động.

- Cấp điện chiếu sáng sử dụng loại 0,6/1kV-Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x16mm<sup>2</sup> (4x25) luồn ống nhựa xoắn HDPE D65/50 chôn ngầm trực tiếp trong đất ở độ sâu cách mặt đất 0,8m trong phạm vi hệ đường giữa các cột đèn. Tổng chiều dài 4.622m.

6.7. Thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống hào cáp của phần thông tin liên lạc trong đó kết hợp với phần cáp ngầm trung thế và hạ thế của phần điện. Tổng chiều dài 5.690m.

- Hào cáp hình thang, đáy trên rộng 1,2m, đáy dưới 0,7m. Đáy đổ bê tông mác 200, dày 15cm, thành xây gạch chỉ vữa XM mác 75, trát VXM mác 75, nắp dạng tấm đan BTCT có khung thép V75x75 bo xung quanh.

- Rãnh cáp đi trên vỉa hè sử dụng ống PVC D110mm; rãnh cáp qua đường sử dụng ống chịu lực HDPE D110mm.

6.8. Kè bao quanh khu đất: Tổng chiều dài 2.697,8m. Kích thước kè: Phần móng rộng 1,8m cao 0,8m; phần thân kè hình thang có đáy rộng 1,2m, đỉnh rộng 0,6m, cao 2,0m. Kết cấu: Gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,0m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; đá dầm chèn đầu cọc dày 10cm; thân kè xây đá hộc VXM mác 100; giằng đỉnh kè BTCT mác 200 tiết diện (30x40)cm.

6.9. Kè mái hồ điều hòa: Xây dựng hệ thống kè xung quanh hồ điều hòa với tổng chiều dài 350m. Kích thước kè: Phần chân kè hình thang có đáy lớn rộng 0,8m, đáy nhỏ rộng 0,6m, cao 1,0m; mái kè dày 30cm trên lớp đá dầm đệm dày 10cm có

độ dốc mái 1:1; đỉnh kè rộng 50cm, dày 30cm. Kết cấu: Gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m; mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; đá dăm chèn đầu cọc dày 10cm; kè xây đá hộc VXM mác 100; giằng đỉnh kè BTCT mác 200 tiết diện (30x40)cm; khe phòng lún khoảng cách 5 m/khe, bề rộng khe 2cm chèn 03 lớp giấy dầu.

6.10. *Mương hở*: Xây dựng mới 574m giáp khu dân cư đường ĐT.477. Kích thước thông thủy 2,0m; kè mương 2 bên, kích thước mỗi bên: Móng rộng 1,8m cao 0,8m; phần thân kè hình thang có đáy rộng 1,2m, đỉnh rộng 0,6m, cao 2,0m. Kết cấu: Gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m; mật độ 25cọc/m<sup>2</sup>; đá dăm chèn đầu cọc dày 10cm; móng, thành xây đá hộc VXM mác 100; giằng đỉnh BTCT mác 200 tiết diện (30x40)cm; giằng ngang BTCT mác 200 tiết diện (20x20)cm; giằng móng BTCT mác 200 tiết diện (25x25)cm khe phòng lún khoảng cách 10m/khe, bề rộng khe 2cm chèn 03 lớp giấy dầu.

### 7. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng

- Đo vẽ bản đồ địa hình 96TCN 43-90;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCXDVN 364-2006;
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCXDVN 9398-2012;
- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000;
- Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình 22 TCN 259 - 2000;
- Quy trình KSTK đường ô tô trên nền đất yếu 22 TCN 262 - 2000;
- Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án nghiên cứu khả thi và thiết kế công trình giao thông 22TCN 242-1998.
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104 - 2007;
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005;
- Áo đường mềm - Yêu cầu và các chỉ dẫn thiết kế 22 TCN 211-06;
- Quy trình Thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22TCN18-79 (dùng để thiết kế cống);
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;
- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016;
- Quy trình thi công và nghiệm thu lớp CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859-2011;
- Thiết kế điển hình cống tròn BTCT 533-01-01, 02 của Viện Nghiên cứu giao thông vận tải;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT;
- Tiêu chuẩn Quốc gia thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài TCVN 7957:2008;
- Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình TCXDVN 33:2006;



- Tiêu chuẩn nối đất và nối không thiết bị điện - TCVN 4756-1989;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

**8. Địa điểm xây dựng:** Xã Gia Trấn và xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

**9. Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 22,16 ha.

**10. Loại, cấp công trình, nhóm dự án**

- Dự án nhóm B.
- Loại công trình:
  - + Phân cấp, thoát nước: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
  - + Phân đường giao thông: Công trình giao thông, cấp III.
  - + Phân cấp điện: Công trình công nghiệp, cấp IV.

**11. Tổng mức đầu tư: 289.024 triệu đồng.**  
*(Hai trăm tám mươi chín tỷ, không trăm hai mươi tư triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	174.501	triệu đồng
- Chi phí thiết bị:	13.346	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.809	triệu đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	7.469	triệu đồng
- Chi phí khác:	9.901	triệu đồng
- Chi phí đền bù, GPMB (dự kiến):	50.853	triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	30.145	triệu đồng.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh (từ nguồn vượt thu thuế ngoài dự toán được giao hàng năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công theo Thông báo số 414-TB/TU ngày 07/10/2016 Ban Thường vụ Tỉnh ủy, văn bản số 250/TTHĐ-CTHĐ ngày 07/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh và văn bản số 788/UBND-VP4 ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh).

**13. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị đủ năng lực thực hiện quản lý dự án theo quy định.

**14. Thời gian thực hiện dự án:** Năm (2016÷2020).

**Điều 2.** Dự án gồm 02 bước thiết kế xây dựng. Yêu cầu Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này; ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 469/SXD-QLXD ngày 24/4/2017 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1024/TTr-KHĐT ngày 09/5/2017, triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chỉ được tổ chức đấu thầu, triển khai thi công khi dự án được bố trí vốn và theo tiến độ cấp vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Gia Viễn và Giám đốc Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Lưu VT, VP4,3,5;
- vv.06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thạch**